

THÔNG TIN

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học
năm học 2022 - 2023**

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

TT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng	34.702	34.702 (Cơ sở 1; Cơ sở 2; KTX SV nhà K CS1)	Không	Không
<i>Trong đó:</i>					
a	Trụ sở chính (Cơ sở 1) tại số 51, đường Quốc Hương, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	6.514	6.514	Không	Không
	Ký túc xá sinh viên Cơ sở 1 tại số 7, đường Đặng Hữu Phổ, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	962	962	Không	Không
b	Phân hiệu: Không có phân hiệu	Không	Không	Không	Không
c	Cơ sở 2 tại số 288, đường Đỗ Xuân Hợp, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	27.226	27.226	Không	Không
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học	8.238	8.238	Không	Không



Handwritten signature

Trong đó:					
a	Trụ sở chính (Cơ sở 1)	5.038	5.038	Không	Không
b	Phân hiệu: Không có phân hiệu	Không	Không	Không	Không
c	Cơ sở 2 tại số 288, đường Đỗ Xuân Hợp, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	3.200	3.200	Không	Không

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

TT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không
2	Phòng thực hành (các khoa: Di sản văn hóa; Quản lý văn hóa, nghệ thuật; Thông tin, Thư viện; Truyền thông, phòng thực hành tin học)	08	Thực hành	Sinh viên, giảng viên	654	654	Không	Không
3	Xưởng thực tập	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không
4	Nhà tập đa năng (tại Cơ sở 1: tầng trệt nhà C; phòng C.31)	02	Học thực hành, luyện tập, thực hành môn học năng khiếu	SV, GV	442	442	Không	Không

Handwritten signature

5	Hội trường - Cơ sở 1: 600 chỗ - Cơ sở 2: 210 chỗ	02	Học. họp, hội, biểu diễn văn nghệ	SV, GV	1.208	1.208	Không	Không
6	Phòng học (không tính các phòng thực hành; phòng thực hành tin học; phòng tập đa năng; hội trường)	69	Học, họp	SV, GV	4.715	4.715	Không	Không
7	Phòng học đa phương tiện	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không
8	Thư viện	02	Học tập, nghiên cứu	SV, GV	1.038	1.038	Không	Không
9	Trung tâm học liệu	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không
10	Các phòng chức năng khác	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

TT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên: 34.702m ² /3.184 SV	10,89m ² /SV
2	Diện tích sàn/sinh viên: 8.238 m ² /3.184 SV	2,58 m ² /SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

 Nguyễn Thế Dũng